

Bản án số: 46/2024/DS-ST
Ngày: 16 - 4 - 2024
“V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Lê Văn Tinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Vững** – Ông **Nguyễn Văn Tuấn**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Hồ Tấn Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1091/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Lê Văn Q**, sinh năm 1981. (có mặt)

Địa chỉ: **Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**.

Điện thoại: 0352.755.505.

- Bị đơn: **Lê Trung C**, sinh năm 1950. (có mặt)

Địa chỉ: **Ấp M, xã T, huyện T, Đồng Tháp**.

Điện thoại: 0763.803.703.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn **Lê Văn Q** trình bày:

Nguyên ông **Lê Trung C** và con ông **C** có mua thức ăn của anh **Q** để nuôi heo, mua rất nhiều lần, có mua có trả, đến ngày 14/01/2020, ông **Lê Trung C** có ký tên vào Biên bản nhận nợ tiền mua bán thức ăn tổng cộng số tiền là 165.000.000 đồng và ông **C** cam kết đứng ra trả thay luôn phần cho con của ông. Ông **C** hẹn là mỗi tháng sẽ trả cho anh **Q** số tiền khoảng 5.000.000 đồng - 10.000.000 đồng. Anh **Q** đã đến nhà để đòi nợ nhiều lần nhưng ông **C** vẫn không trả. Khi **Công an xã T** mời làm việc thì ông **C** hứa mỗi tháng sẽ trả 10.000.000

đồng, nhưng từ tháng 01/2020 đến tháng 04/2020 ông C chỉ có trả cho anh Q được số tiền là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng). Rồi, ông C có hứa là bán đất xong sẽ trả nợ cho anh nên anh cho thời gian để ông C trả nợ, nhưng khi bán đất xong ông C lại không trả nợ như lời đã hứa nên anh Q mới làm đơn khởi kiện ra Tòa án.

Theo đơn khởi kiện, anh Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C phải có nghĩa vụ trả cho anh số tiền mua thức ăn còn nợ là 143.000.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu đồng) và tiền lãi tạm tính từ ngày 01/5/2020 đến ngày 01/10/2023 là 94.952.000 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Q xin thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Nay, anh Q khởi kiện yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ trả cho anh số tiền mua thức ăn còn nợ là 143.000.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu đồng) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/5/2020 đến ngày 01/10/2023 là 41 tháng x 0,83%/tháng x 143.000.000 đồng = 48.662.900 đồng, làm tròn 48.662.000 đồng. Tổng cộng là 191.662.000 đồng (một trăm chín mươi một triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra, anh Q không còn yêu cầu hay tranh chấp gì khác.

*** Bị đơn Lê Trung C trình bày:**

Ông C làm Tổ trưởng Tổ hòa giải của ấp đến nay gần 40 năm và hiện nay ông vẫn còn làm, trình độ học vấn của ông học lớp 12. Nay, ông C không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh Q. Vì, ông không có mua bán thức ăn với anh Q. Ngày 14/01/2020, ông Q có điện thoại kêu ông đến nhà anh Q, do chỗ quen biết thân tình với nhau từ lâu nên ông C mới đến nhà ông Q, khi đến nhà thì ông Q có mời ông C uống 01 ly cà phê. Sau khi uống cà phê thì cơ thể ông C rơi vào tình trạng không làm chủ được hành vi của bản thân nên ông Q kêu ông ký vào Biên bản nhận nợ tiền mua bán thức ăn ngày 14/01/2020, nhưng ông C không có chứng cứ gì chứng minh và ông cũng không có trình báo sự việc cho chính quyền địa phương. Qua việc được Tòa án cho xem lại chữ ký và chữ viết trong Biên bản nhận nợ tiền mua bán thức ăn ngày 14/01/2020 do anh Q giao nộp cho Tòa án thì ông C thừa nhận là đúng chữ ký và chữ viết của ông. Ông cam kết chỉ ký duy nhất 01 giấy Biên nhận với anh Q. Sau đó, bên phía anh Q cho mấy thanh niên vào nhà ông khoảng 04 lần để hăm dọa và yêu cầu ông phải trả cho anh Q số tiền nợ mà ông đã ký trước đó. Ông có trình báo sự việc trên đến Công an xã T, Công an có đến lập biên bản nhưng nay ông yêu cầu Công an cung cấp cho ông để ông nộp cho Tòa án nhưng phía Công an xã T nói chỉ cung cấp khi nào Tòa án có yêu cầu. Nhưng do anh Q đe dọa nhiều lần (nay ông không có chứng cứ gì chứng minh) làm ông sợ nên ông có lấy tiền dành dụm để lo cuộc sống của ông sau này nếu ông có bệnh để đưa cho anh Q với số tiền là 22.000.000 đồng, đưa ngày tháng năm nào thì ông không nhớ.

Việc mua thức ăn là do con ông tên **Lê Trung D**, sinh năm 1974, hộ khẩu trước đây tại **ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp** mua của anh **Q** gây nợ. Tuy nhiên, do gây nợ nần nhiều nên con ông đã bán nhà bỏ đi làm ăn ở thành phố, địa chỉ cụ thể thì ông không biết, vì đã rất lâu anh **D** không có về địa phương và ông cũng không liên lạc được với anh **D** nên ông không biết.

Trong vụ án này, ông **C** không có yêu cầu hay tranh chấp gì khác ngoài yêu cầu khởi kiện của anh **Q**.

- Các tài liệu, chứng cứ phía nguyên đơn giao nộp:

1. Căn cước Công dân (bản photo);
2. Biên bản nhận nợ tiền mua bán thức ăn ngày 14/01/2020 (bản photo).

- Các tài liệu, chứng cứ phía bị đơn giao nộp:

1. Văn bản ý kiến ngày 27/02/2024 của ông **Lê Trung C** (bản chính);
2. Căn cước công dân tên **Lê Trung C** (bản photo);
3. Đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí (bản chính).

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Không có.

Tất cả các tài liệu, chứng cứ nêu trên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các phiên tòa sơ thẩm thì các đương sự đã được Tòa án cho tiếp cận và công khai để đảm bảo quyền tranh tụng cho các đương sự. Các đương sự không có ý kiến gì.

* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Không có.

* Các tình tiết vụ án các bên đương sự không thống nhất: Toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả tiền mua thức ăn còn nợ và yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và thuộc

thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ tại **ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi suất:

Theo đơn khởi kiện, anh **Q** yêu cầu ông **C** trả tiền lãi tạm tính từ ngày 01/5/2020 đến ngày 01/10/2023 là 94.952.000 đồng. Nay, anh **Q** xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi suất như sau: Yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 01/5/2020 đến ngày 01/10/2023 là 41 tháng x 0,83%/tháng x 143.000.000 đồng = 48.662.900 đồng, làm tròn 48.662.000 đồng.

Xét, việc yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh **Q** là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi này là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Lê Văn Q**.

Theo Biên bản nhận nợ tiền mua bán thức ăn ngày 14/01/2020 có thể hiện nội dung: Ông **Lê Trung C** có thiếu nợ tiền thức ăn của anh **Lê Văn Q** số tiền 165.000.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng), với lãi suất 2%/tháng. Anh **Q** trình bày chữ ký và chữ viết của ông **Lê Trung C** trong Biên bản nhận là do ông **C** tự ký và ghi họ tên.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, ông **Lê Trung C** cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên trong Biên bản nhận nợ tiền mua bán thức ăn ngày 14/01/2020 do anh **Q** giao nộp cho Tòa án là đúng chữ ký và chữ viết do ông ký và viết. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh và Biên bản nhận nợ tiền mua bán thức ăn ngày 14/01/2020 được xem là chứng cứ theo quy định tại Điều 92 và Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, ông **C** cho rằng sau khi uống cà phê thì cơ thể ông rơi vào tình trạng không làm chủ được hành vi của bản thân nên ông **Q** kêu ông ký vào Biên bản nhận nợ tiền mua bán thức ăn ngày 14/01/2020, nhưng ông **C** không có chứng cứ gì chứng minh và ông cũng không có trình báo sự việc cho chính quyền địa phương. Ngược lại, tại Biên bản hòa giải ngày 27/02/2024 ông **C** lại trình bày rằng anh **Q** có thuê mấy thanh niên xâm trở đến nhà ông yêu cầu ông phải ký biên nhận nợ, do khi đó tâm lý của ông không ổn định và sợ nên ông có ký vào biên nhận mà bên phía anh **Q** yêu cầu, nhưng ông **C** không có chứng cứ gì chứng minh. Từ đó, có thể thấy cùng một sự việc mà lời trình bày của ông **C** trước sau không thống nhất, có mâu thuẫn nhau và ông **C** cũng không giải thích được.

Hơn nữa, sau khi ký biên nhận nợ thì ông C có trả cho anh Q tổng số tiền là 22.000.000 đồng, trả ngày tháng năm nào thì ông không nhớ, nhưng anh Q cũng thừa nhận là đã nhận số tiền 22.000.000 đồng là trong tháng 4/2020 nên ông C còn nợ lại số tiền 143.000.000 đồng.

Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định việc ông C có mua thức ăn nuôi heo của anh Q và còn nợ lại số tiền 165.000.000 đồng theo Biên bản nhận nợ tiền mua bán thức ăn ngày 14/01/2020 là có thật, ông C đã trả được 22.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 143.000.000 đồng. Xét, lời trình bày của ông C là chưa có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận: Buộc ông Lê Trung C có nghĩa vụ trả cho anh Lê Văn Q số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 143.000.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu đồng).

[2.2] Về yêu cầu tính lãi suất:

Ông C không nhớ lần cuối cùng đã trả tiền cho anh Lê Văn Q vào ngày tháng năm nào, nhưng anh Q xác định là vào tháng 4/2020. Từ 01/5/2020 thì ông C không trả nợ vốn và lãi cho anh Q nên anh Q yêu cầu được tính lãi suất chậm trả từ ngày 01/5/2020 đến ngày 01/10/2023 là 41 tháng x 0,83%/tháng x 143.000.000 đồng = 48.662.900 đồng, làm tròn 48.662.000 đồng.

Xét thấy, theo xác nhận của anh Q là từ ngày 01/5/2020 thì ông C không trả lãi và vốn cho anh Q do đó ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với anh Q, sự thừa nhận này là có lợi cho ông C. Do đó, ông C phải có nghĩa vụ trả lãi chậm trả đối với số tiền chưa trả với lãi suất theo quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích nêu tại đoạn [2.1] và [2.2], xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận: Buộc ông Lê Trung C có nghĩa vụ trả cho anh Lê Văn Q số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 143.000.000 đồng và tiền lãi là 48.662.000 đồng, tổng cộng: 191.662.000 đồng (một trăm chín mươi một triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q, nên ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định. Tuy nhiên, ông C sinh năm 1950 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên ông C được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 95, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Lê Văn Q.**

Buộc ông **Lê Trung C** phải có nghĩa vụ trả tiền mua thức ăn còn nợ vốn và lãi là 191.662.000 đồng (một trăm chín mươi một triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng) cho anh **Lê Văn Q.**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Lê Trung C** được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh **Lê Văn Q** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho anh **Lê Văn Q** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.948.000 đồng (năm triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0002817 ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh ĐT;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA & VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tinh